

Công ty Cổ phần Chứng khoán
LPBank

Số: 126 /2025/BC-LPBS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 06 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ
THÁNG 07 NĂM 2025**

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	TCO		AAA
2	ABT	VSH		ABT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BMC			BMC
19	BMI			BMI
20	BMP			BMP
21	BSI			BSI
22	BTP			BTP
23	BVH			BVH
24	BWE			BWE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
25	CCL			CCL
26	CDC			CDC
27	CHP			CHP
28	CII			CII
29	CMG			CMG
30	CNG			CNG
31	CRC			CRC
32	CSM			CSM
33	CSV			CSV
34	CTD			CTD
35	CTF			CTF
36	CTG			CTG
37	CTI			CTI
38	CTR			CTR
39	CTS			CTS
40	D2D			D2D
41	DBC			DBC
42	DBD			DBD
43	DC4			DC4
44	DCL			DCL
45	DCM			DCM
46	DGC			DGC
47	DGW			DGW
48	DHA			DHA
49	DHC			DHC
50	DHG			DHG
51	DIG			DIG
52	DPG			DPG
53	DPM			DPM
54	DPR			DPR
55	DRC			DRC
56	DSE			DSE
57	DSN			DSN
58	DVP			DVP
59	DXG			DXG
60	DXS			DXS
61	EIB			EIB
62	ELC			ELC
63	EVF			EVF

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
64	FCN			FCN
65	FMC			FMC
66	FPT			FPT
67	FRT			FRT
68	FTS			FTS
69	GAS			GAS
70	GDT			GDT
71	GEE			GEE
72	GEG			GEG
73	GEX			GEX
74	GMD			GMD
75	GSP			GSP
76	GVR			GVR
77	HAH			HAH
78	HAP			HAP
79	HAX			HAX
80	HCD			HCD
81	HCM			HCM
82	HDB			HDB
83	HDC			HDC
84	HDG			HDG
85	HHP			HHP
86	HHS			HHS
87	HHV			HHV
88	HPG			HPG
89	HSG			HSG
90	HT1			HT1
91	HTG			HTG
92	HTI			HTI
93	HTN			HTN
94	HUB			HUB
95	HVH			HVH
96	ICT			ICT
97	IDI			IDI
98	IJC			IJC
99	IMP			IMP
100	ITC			ITC
101	KBC			KBC
102	KDC			KDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
103	KDH			KDH
104	KHG			KHG
105	KHP			KHP
106	KOS			KOS
107	KSB			KSB
108	LBM			LBM
109	LCG			LCG
110	LHG			LHG
111	LIX			LIX
112	LPB			LPB
113	LSS			LSS
114	MBB			MBB
115	MCM			MCM
116	MIG			MIG
117	MSB			MSB
118	MSH			MSH
119	MSN			MSN
120	MWG			MWG
121	NAB			NAB
122	NAF			NAF
123	NCT			NCT
124	NHA			NHA
125	NHH			NHH
126	NKG			NKG
127	NLG			NLG
128	NNC			NNC
129	NT2			NT2
130	NTL			NTL
131	OCB			OCB
132	OPC			OPC
133	PAC			PAC
134	PAN			PAN
135	PCI			PCI
136	PDR			PDR
137	PET			PET
138	PGC			PGC
139	PHR			PHR
140	PLX			PLX
141	PNJ			PNJ

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
142	POW			POW
143	PPC			PPC
144	PTB			PTB
145	PVD			PVD
146	PVP			PVP
147	PVT			PVT
148	RAL			RAL
149	REE			REE
150	SAB			SAB
151	SAM			SAM
152	SBA			SBA
153	SBT			SBT
154	SCR			SCR
155	SCS			SCS
156	SGN			SGN
157	SGR			SGR
158	SHB			SHB
159	SHI			SHI
160	SHP			SHP
161	SIP			SIP
162	SJD			SJD
163	SJS			SJS
164	SKG			SKG
165	SMB			SMB
166	SSB			SSB
167	SSI			SSI
168	STB			STB
169	SZC			SZC
170	SZL			SZL
171	TCB			TCB
172	TCH			TCH
173	TCI			TCI
174	TCL			TCL
175	TCM			TCM
176	TCO			TCT
177	TCT			TDC
178	TDC			TDM
179	TDM			TDP
180	TDP			TEG

- C.T.
 G TY
 HÂN
 KHOA
 ANK
 HỒ C

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
181	TEG			THG
182	THG			TIP
183	TIP			TLG
184	TLG			TMS
185	TMS			TNH
186	TNH			TPB
187	TPB			TRC
188	TRC			TTA
189	TTA			TV2
190	TV2			TVS
191	TVS			VCB
192	VCB			VCG
193	VCG			VCI
194	VCI			VDP
195	VDP			VDS
196	VDS			VFG
197	VFG			VGC
198	VGC			VHC
199	VHC			VHM
200	VHM			VIB
201	VIB			VIC
202	VIC			VIP
203	VIP			VIX
204	VIX			VJC
205	VJC			VND
206	VND			VNM
207	VNM			VOS
208	VOS			VPB
209	VPB			VPD
210	VPD			VPG
211	VPG			VPI
212	VPI			VRE
213	VRE			VSC
214	VSC			VTO
215	VSH			VTP
216	VTO			YEG
217	VTP			
218	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	CDN			CDN
4	CEO			CEO
5	DHT			DHT
6	DP3			DP3
7	DTD			DTD
8	DVM			DVM
9	DXP			DXP
10	HUT			HUT
11	HVT			HVT
12	IDC			IDC
13	IDV			IDV
14	KSV			KSV
15	L14			L14
16	LAS			LAS
17	LHC			LHC
18	MBS			MBS
19	MDC			MDC
20	MST			MST
21	NAG			NAG
22	NBC			NBC
23	NDN			NDN
24	NTP			NTP
25	PLC			PLC
26	PSD			PSD
27	PSI			PSI
28	PTI			PTI
29	PVB			PVB
30	PVC			PVC
31	PVG			PVG
32	PVI			PVI
33	PVS			PVS
34	S99			S99
35	SED			SED
36	SHS			SHS
37	SLS			SLS
38	SZB			SZB

